**BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, NHÂN DÂN VỀ TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ, DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH 103/2010/NĐ-CP**

**Phần 1: THÔNG TIN CHUNG**

1. Số ý kiến góp tại Cổng thông tin Chính phủ: 0
2. Số ý kiến góp ý trên cổng thông tin Bộ Y tế: 0
3. Số ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang bộ: 19/23

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cơ quan** | **Văn bản góp ý** |
|  | Bộ Công Thương | Công văn số: 6981/BCT-PC ngày 03/8/2017 |
|  | Bộ Giao thông Vận tải | Công văn số: 8634/ BGTVT-CYT ngày 03/8/2017 |
|  | Bộ Khoa học và Công nghệ | Công văn số: 2520/ BKHCN-CNN ngày 31/7/2017 |
|  | Bộ Nội vụ | Công văn số: 4022/BNV-PCngày 31/7/2017 |
|  | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Công văn số: 1511/ TY-DT ngày 4/8/2017 |
|  | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Công văn số: 3951/ BTNMT-TCMT ngày 3/8/2017 |
|  | Bộ Thông tin Truyền thông | Công văn số: 2682/ BTTTT - PC ngày 28/7/2017 |
|  | Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch | Công văn số: 3300/ BVHTTDL-PC ngày 3/8/2017 |
|  | Bộ Xây dựng | Công văn số: 1776/ BXD-TCCB ngày 3/8/2017 |
|  | Ngân hàng nhà nước | Công văn số: 6264/ NHNN-PC ngày 8/8/2017 |
|  | Bộ Ngoại giao | Công văn số: 3130/BNG-LPQT ngày 17/8/2017 |
|  | Bộ Quốc phòng | Công văn số: 9320/BQP-QY ngày 11/8/2017 |
|  | Ủy ban Dân tộc | Công văn số: 816/UBDT-PCngày 16/8/2017 |
|  | Văn phòng TBT | Công văn số: 146/TBT-TBHĐ ngày 14/8/2017 |
|  | Thanh tra Chính phủ | Công văn số: 2027/TTCP-V.III ngày 10/8/2017 |
|  | Bộ Công an | Công văn số: 2145 / BCA-H41 ngày 08/9/2017 |
|  | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Công văn số: 3758/ BGDĐT-GDTC ngày 17/8/2017 |
|  | Bộ Tài chính | Công văn số: 11381/BTC-TCHQ ngày 25/8/2017 |
|  | Bộ Tư pháp | Công văn số: 3154/ BTP-PLHSHC ngày 01/9/2017 |
|  | Văn phòng Chính phủ | Chưa có văn bản góp ý |
|  | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Chưa có văn bản góp ý |
|  | Bộ Lao động và Thương binh xã hội | Chưa có văn bản góp ý |
|  | Văn phòng VCCI | Chưa có văn bản góp ý |

**PHẦN 2. TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Cơ quan và nội dung góp ý** | | **Phần xử lý ý kiến góp ý** |
| 1 | **Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch:**  Đề nghị viết theo mẫu quy định. , | *Tiếp thu, sửa đổi* | |
| 2 | Về sự cần thiết phải ban hành Nghị định đề nghị viết trực tiếp những vấn đề còn tồn tại và hạn chế mà Nghị định số 103/2010/NĐ-CP chưa giải quyết được, không viết về công tác chỉ đạo, tập huấn và ban hành văn bản quy định chi tiết Nghị định, vì nội dung này phải được phân tích, đánh giá trong nội dung của báo cáo tổng kết thực hiện Nghị định số 103/2010/NĐ-CP. Mặt khác, phần đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung phải được chuyển sang viết cụ thể tại phần III của dự thảo Tờ trình (Bố cục và nội dung của dự thảo Nghị định), phần này trong dự thảo Tờ trình còn sơ sài cần phải bố sung và hoàn thiện hơn. | *Tiếp thu, sửa đổi* | |
| 3 | Đề nghị bổ sung phần về mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo Nghị định và phần về những vấn đề xin ý kiến (nếu có). | *Tiếp thu, sửa đổi* | |
| 4 | Cần thể hiện đúng bản chất của dự thảo Nghị định là Nghị định thay thế Nghị định số 103/2010/NĐ-CP chứ không phải Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 103/2010/NĐ-CP trong nộị dung dự thảo Tờ trình | *Tiếp thu, sửa đổi* | |
|  | Đề nghị lập báo cáo đánh giá tác động theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Một số nội dung đang thể hiện tại dự thảo báo cáo này cần phải được viết trong báo cáo tổng kết như các số liệu cụ thể triển khai thực hiện Nghị định số 103/2010/NĐ-CP,...Hơn nữa, báo cáo đánh giá tác động phải được lập từ giai đoạn lập đề nghị xây dựng pháp luật, vì vậy cần phải đánh giá từng chính sách cụ thể theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. | *Bảo lưu, giải trình*: theo quy định của Khoản 1 Điều 84, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Nghị định này không thuộc trường hợp phải đề nghị xây dựng Nghị định do đó không phải xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách. (chỉ thay thế) | |
| 5 | ***Bộ Công thương:*** đề nghị thống nhất tên gọi của Nghị định tại dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị định. | *Tiếp thu, sửa đổi* | |
| 6 | ***Bộ Khoa học và Công nghệ:*** đề nghị chỉnh sửa lại thành “Tờ trình về việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 103/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiếm dịch y tế biên giới”. | *Tiếp thu, sửa đổi* | |
| 7 | ***Bộ quốc phòng:*** nội dung Tờ trình và dự thảo Nghị định không thống nhất; Tờ trình về sửa đổi Nghị định số 103/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới còn nội dung dự thảo Nghị định là mới; do đó, chỉnh lý tên gọi dự thảo Nghị định cho phù họp. | *Tiếp thu, sửa đổi* | |

**PHẦN 3. DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Cơ quan và nội dung góp ý** | | **Phần xử lý ý kiến góp ý** |
| ***1*** | ***Các ý kiến đồng ý với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị định*** | | |
|  | ***1. Bộ Giao thông Vận******tải****:* Bộ Giao thông Vận tải nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định quy định về kiểm dịch y tế biên giới mà Bộ Y tế đã soạn thảo và không có ý kiến gì khác.  ***2. Bộ Xây dựng****:* Bộ Xây dựng nhất trí nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 103/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một sô điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới.  ***3. Bộ Xây dựng:*** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định.  ***4. Văn phòng TBT:*** dự thảo Nghị định Quy định về kiểm dịch y tế biên giới không có yếu tố thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của WTO và do vậy không cần thiết thực hiện nghĩa vụ minh bạch hóa theo quy định của Hiệp định này.  ***5. Thanh tra Chính phủ***: Thanh tra Chính phủ cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 103/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ quy định về kiểm dịch y tế biên giới.  ***6. Bộ Giáo dục và Đào tạo***:  - Bộ Giáo dục và Đào tạo thống nhất với Bộ Y tế về sự cần thiết phải sửa đổi Nghị định số 103/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ban hành Nghị định mới quy định về kiểm dịch y tế biên giới để giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bổ sung, sửa đổi và tạo hành lang pháp lý phù hợp với thực tế của Việt Nam và các hướng dẫn, quy định của quốc tế.  **-** Bộ Giáo dục và Đào tạo nhất trí với cấu trúc và nội dung của dự thảo Nghị định Quy định về kiểm dịch y tế biên giới. | | |
| ***2*** | ***Về sự cần thiết, kỹ thuật, hình thức, thể thức, tên gọi dự thảo Nghị định*** | | |
|  | ***Bộ Tư pháp:*** về kỹ thuật thể hiện nội dung Chương II: dự thảo sắp xếp điều khoản liên quan đến quy trình kiểm tra chưa hợp lý, cụ thể như dự thảo đưa quy trình khai báo y tế (Mục 2 Chương II) sau quy trình kiểm tra y tế (Mục 1 Chương II). Để bảo đảm kỹ thuật soạn thảo văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo sắp xếp lại quy trình cho phù hợp. | | *Tiếp thu, sửa đổi:* đã sắp xếp lại quy trình cụ thể với kiểm dịch y tế với phương tiện vận tải, hàng hóa. với người xin bảo lưu. |
|  | ***-*** Về tên gọi của dự thảo Nghị định: khoản 5 Điều 37 về trách nhiệm trong việc thực hiện kiểm dịch y tế biên giới có giao “Chính phủ quy định chi tiết về kiểm dịch y tế biên giới”. Trên cơ sở quy định của Luật, ngày 01/10/2010 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 103/2010/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiếm dịch y tế biên giới. Tuy nhiên, tại dự thảo này lại xây dựng Nghị định quy định về kiểm dịch biên giới, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình rõ hơn nội dung đã nêu. | | *Tiếp thu, sửa đổi*: đã sửa đổi tên Nghị định “Nghị định quy định về kiểm dịch biên giới” thành “Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới”. |
|  | - Về kỹ thuật soạn thảo văn bản: để bảo đảm kỹ thuật soạn thảo và ngôn ngữ pháp lý, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát chỉnh sửa thêm về mặt nội dung, ví dụ, cần thống nhất về tên gọi của văn bản giữa nội dung của dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định; chỉnh lý lại các nội dung được thể hiện dưới hình thức gạch đầu dòng (khoản 3 Điều 3, khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 11... của dự thảo) để đảm bảo tính thống nhất của thể thức văn bản và thuận tiện cho việc trích dẫn, áp dụng sau này; đề nghị làm rõ “cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền” quy định tại Điều 7 là cơ quan nào; làm rõ nội dung “các hàng hóa khác theo yêu cầu của nước nhập khẩu...” tại Điều 18 vì theo điểm c khoản 1 Điều 35 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm thì đối tượng phải kiểm dịch y tế biên giới bao gồm các hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh Việt Nam. | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
|  | ***Bộ Nội vụ:*** dự thảo Nghị định được xây dựng theo hình thức Nghị định thay thế Nghị định số 103/2010/NĐ-CP, không phải là Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 103/2010/NĐ-CP (theo nội dung công văn số 3941/BYT-DP và dự thảo Tờ trình của Bộ Y tế). Vì vậv, đề nghị Bộ Y tế chỉnh sửa dự thảo Tờ trình Chính phủ cho phù hợp. | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
|  | ***Bộ Quốc phòng:*** rà soát, chỉnh lý về thể thức văn bản để phù hợp với quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
|  | ***Ủy ban Dân tộc:*** đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét về thể thức của dự thảo Nghị định cho thống nhất giữa dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định là Nghị định sửa đổi, bổ sung hay là Nghị định thay thế Nghị định số 103/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, Chống bệnh truyền nhiễm và kiểm dịch y tế biên giới. | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
| *3* | *Phần căn cứ và thủ tục hành chính* | |  |
|  | ***Bộ Nội vụ:*** đề nghị chỉnh sửa phần căn cứ ban hành và cách trình bày các điểm, khoản trong dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị định sô 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
|  | ***Bộ Quốc phòng***:  - Phần căn cứ ban hành, chỉnh lý như sau:  Căn cứ...  Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;  Chỉnh phủ han hành Nghị định quy định về kiểm dịch y tế biên giới | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
|  | ***Bộ Tài nguyên và Môi trường:*** đề nghị làm rõ một số khái niệm được đưa vào dự thảo nghị định trong sự tương thích với quy định của pháp luật chuyên ngành là Luật Bảo vệ môi trường như quy định tại Điều 12 Khoản 1 điểm b và Điều 22 Khoản 2: “giám sát nguy cơ bị ô nhiễm bởi các yếu tố có thể gây ảnh hưởng tới sức khỏe”; “hàng hóa bị ô nhiễm bởi yếu tố nguy cơ gây ảnh hưởng sức khỏe”. | | *Tiếp thu, sửa đổi*:điều chỉnh bỏ các nội dung liên quan đến các yếu tố có thể gây ảnh hưởng tới sức khỏe, chỉ tập trung vào bệnh truyền nhiễm theo quy định của Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm (2007). |
|  | ***Bộ Công an:*** thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính, giảm phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu, phối hợp các Bộ, ngành liên quan đề xuất Chính phủ xây dựng “mô hình 1 cửa” tại các cửa khẩu quốc tế. Trong đó, tích hợp các thủ tục, dịch vụ hành chính về xuất, nhập khẩu hàng hóa, phương tiện; phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch y tế với người, phương tiện, hàng hóa. | | *Giải trình*: Bộ Y tế đang tham gia xây dựng cổng thông tin một cửa quốc gia. Sau khi Nghị định thay thế Nghị định 103/2010/NĐ-CP ban hành, Bộ Y tế sẽ tham thực hiện việc công bố và đưa các thủ tục về kiểm dịch y tế vào cổng thông tin 1 cửa quốc gia |
| **4** | ***Nội dung chung khác;*** | | |
|  | ***Bộ Tài chính:*** đề nghị rà soát lại các Hiệp định thương mại đã ký kết với các nước để quy định việc kiểm dịch y tế cho phù hợp với tinh thần của các Hiệp định này.  (VD: quy định tại Khoản 2 Điều 13 Hiệp định Việt - Lào thì hàng hóa hàng hóa sản xuất tại các tỉnh biên giới của Lào bởi nhà đầu tư Việt Nam khi nhập khẩu vào Việt Nam không phải xin bất kỳ loại giấy phép nào, được miễn kiểm dịch y tế...). | | *Giải trình:* theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật Điều ước quốc tế năm 2016 thì “Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp.”Do đó, trường hợp nội dung quy định tại Nghị định này và các Điều ước quốc tế có liên quan đến Kiểm dịch y tế biên giới mà Việt Nam đã tham gia có quy định khác nhau thì sẽ áp dụng theo các điều ước quốc tế đó. |
| **5** | *Điều 2. Giải thích từ ngữ* | | |
|  | ***Bộ Công thương*:** đề nghị xem xét giải thích từ ngữ một số cụm từ trong dự thảo Nghị định chưa được giải thích tại các văn bản pháp luật hiện hành ví dụ “sản phẩm sinh học”; “mẫu vi sinh y học”... | | *Tiếp thu, sửa đổi*: đã bổ sung giải thích từ ngữ về Mẫu vi sinh y học “là các mẫu máu, huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, phân, dịch tiết cơ thể người và các mẫu khác từ người có chứa chất lây nhiễm, các chủng vi sinh vật gây bệnh cho người.” |
|  | ***Bộ Khoa học và Công nghệ:*** Điều 2: Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ “Bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A. | | *Bảo lưu*: nội dung này đã được quy định tại Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm nên Nghị định này không quy định lại |
|  | ***Bộ Ngoại giao*:** Điều 35 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm đã quy định cụ thể đối tượng phải kiểm dịch y tế biên giới và việc kiểm dịch y tế biên giới được thực hiện tại các cửa khẩu. Ngoài ra, Luật Biên giới quốc gia năm 2013 (Điều 4) đã quy định về định nghĩa “cửa khẩu”. Vì vậy, đề nghị cân nhắc sự cần thiết quy định khái niệm “khu vực cửa khẩu” tại khoản 6 Điều 2 dự thảoNghị định. | | *Tiếp thu, chỉnh sửa:* bỏ khái niệm khu vực cửa khẩu áp dụng theo khái niệmtheo Luật Biên giới quốc gia năm 2013 “Cửa khẩu là nơi thực hiện việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu và qua lại biên giới quốc gia bao gồm cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu đường sắt, cửa khẩu đường thuỷ nội địa, cửa khẩu đường hàng hải và cửa khẩu đường hàng không.” |
|  | ***Bộ Quốc phòng***: về nội dung giải thích từ ngữ “Khu vực cửa khẩu”: Đề nghị căn cứ Luật Hàng hải, Luật Hàng không dân dụng và Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền để giải thích khái niệm khu vực cửa khẩu cho phù họp, không trùng lặp và không quy định lại nội dung các văn bản quy phạm pháp luật khác đã quy định. | | *Tiếp thu, chỉnh sửa:* bỏ khái niệm khu vực cửa khẩu áp dụng theo khái niệmtheo Luật Biên giới quốc gia năm 2013 “Cửa khẩu là nơi thực hiện việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu và qua lại biên giới quốc gia bao gồm cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu đường sắt, cửa khẩu đường thuỷ nội địa, cửa khẩu đường hàng hải và cửa khẩu đường hàng không.” |
|  | ***Bộ Tư pháp:*** quy định giải thích thuật ngữ thường được thực hiện với những thuật ngữ có tính chuyên môn, có nhiều cách hiểu khác nhau hoặc chưa được quy định, tuy nhiên, một số từ ngữ tại dự thảo được đưa ra giải thích chưa thể hiện rõ tinh thần nêu trên, ví dụ, các từ ngữ quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 6 Điều 2 đã được quy định tại Luật hải quan. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc không thực hiện giải thích các thuật ngữ đã nêu. | | *Tiếp thu, giải trình*:  - Đối với khái niệm hành lý: tiếp thu và bỏ khỏi dự thảo vì đã được quy định theo Luật Hải quan 2013 “*Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh* là vật dụng cần thiết cho nhu cầu sinh hoạt hoặc mục đích chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh, bao gồm hành lý mang theo người, hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi”  - Đối với khái niệm hàng hóa: bảo lưu như bản dự thảo vì mục đích của kiểm dịch y nhằm ngăn ngừa các tác nhân gây bệnh, trung gian truyền bệnh có thể xâm nhập vào Việt Nam qua hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.  *\* Hàng hóa theo Luật: bao gồm động sản có tên gọi và mã số theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hoặc được lưu trong địa bàn hoạt động hải quan. (hàng hóa trong Luật rộng hơn, nên không bỏ)* |
| ***6*** | ***Điều 3. Thu thập thông tin và xử lý thông tin*** | | |
|  | **Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch**  - Khoản 2 Điều 3: Cân nhắc bỏ từ “nội dung” và quy định lại Điểm a như sau: “Thông tin chung về tình trạng sức khỏe của hành khách”. Điểm b quy định lại: “Thông tin về sức khỏe của hành khách nhập cảnh từ tờ khai y tế quy định tại Phụ lục III của Nghị định này” (Hồ sơ dự thảo không có Phụ lục III). | | *Tiếp thu, sửa đổi:* đã bỏ từ “nội dung”, đã sửa lại tên “Phụ lục 3” thành “Phụ lục I” |
|  | - Điểm a Khoản 3 đề nghị bỏ từ “Người” tại các gạch đầu dòng vì từ này đã được quy định tại phần dẫn của điểm a. Tương tự Điểm a Khoản 4 Điều 11 Dự thảo bỏ từ “phương tiện vận tải”, Điểm a Khoản 4 Điều 19 Dự thảo bỏ từ “hàng hóa”. | | *- Tiếp thu, sửa đổi* |
|  | -Khoản 2 Điều này đề nghị cân nhắc nội dung thông tin cần thu thập có những điểm tương đồng với khoản 2 Điều 11 (cả hai điều đều quy định nội dung thông tin về người và phương tiện). | | *- Tiếp thu, sửa đổi* |
|  | - Các Điều 3, 11, 19, 23 và 26 cân nhắc nên quy định thống nhất về hình thức thể hiện. | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
|  | ***Bộ Công an:*** Sửa một số nội dung tại Điều 3 như sau:  - Đề nghị bỏ Điểm c, Điểm d, Khoản 2, Điều 3 vì các nội dung này đã được quy định tại Chương III và Chương IV.  - Tại Khoản 3, Điều 3 đề nghị quy định thành một điều riêng về các trường hợp phải áp dụng kiểm dịch y tế. | | *Bảo lưu:* vì việc bệnh truyền nhiễm có thể lây truyền từ phương tiện, hàng hóa bị ô nhiễm sang người. Do vậy, vẫn cần thu thập đồng thời thông tin của cả người, phương tiện, hàng hóa. |
|  | - Tại Điều 7, đề nghị bổ sung điều kiện công bố thời điểm bắt đầu, hạn chế, chấm dứt áp dụng khai báo y tế là “công bố dịch bệnh của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) hoặc tổ chức y tế khu vực”. | | *Bảo lưu:* vì việc áp dụng tờ khai phụ thuộc đánh giá nguy cơ xâm nhập các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, vật chủ trung gian truyền bệnh tại mỗi quốc gia*.* |
|  | ***Bộ Tài chính:*** tại Điều 3 của dự thảo về thu thập thông tin và xử lý thông tin đề nghị bổ sung cụ thể trách nhiệm cung cấp thông tin và thời điểm cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều 3. | | *Tiếp thu:* đã sửa đổi tên Điều 3 từ “Thu thập thông tin” thành “Thu thập thông tin trước khi người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh”; phần trách nhiệm cung cấp đã được quy đinh trong Điều về trách nhiệm của các cơ quan. |
|  | ***Bộ Tư pháp:*** về kiểm tra y tế đối với người (khoản 2, 3 Điều 3, Điều 4, Điều 5): khoản 2 Điều 36 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm quy định “Kiểm tra y tế bao gồm kiểm tra giấy tờ liên quan đến y tế và kiểm tra thực tế. Kiểm tra thực tế được tiến hành trong trường hợp đối tượng xuất phát hoặc đi qua vùng có dịch hoặc bị nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm”. Tuy nhiên, nội dung dự thảo chưa có phân định rõ từng nội dung kiểm tra theo tinh thần của Luật, đặc biệt là nội dung kiểm tra giấy tờ liên quan đến y tế. Bên cạnh đó, nội dung giám sát người (Điều 4) chưa rõ thuộc nội dung kiểm tra nào. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát để quy định cho phù họp. | | *Tiếp thu, sửa đổi:* Đã sửa đổi tại Điều 3, 4,5( tách *Điều* Kiểm tra y tế thành 2 Điều gồm kiểm tra giấy tờ và kiểm tra thực tế) |
|  | ***Bộ Khoa học và Công nghệ***: Điểm b Khoản 2 Điều 3: đề nghị chỉnh sửa thành “Thông tin tờ khai y tế của hành khách nhập cảnh được quy định tại Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này”. | | *Tiếp thu, sửa đổi*: |
|  | ***Bộ Nội vụ:*** nội dung dự thảo Nghị định có nhiều điều, khoản quy định về “kiểm dịch viên y tế”, theo giải thích từ ngữ tại Khoản 7 Điều 3 là “người thực hiện các hoạt động kiểm dịch y tế biên giới”. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định cụ thể về tiêu chuẩn ngạch công chức hay tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức kiểm dịch viên y tế. Do vậy, đề nghị Bộ Y tế cần làm rõ “kiểm dịch viên y tế” là công chức hay viên chức, được bổ nhiệm vào ngạch công chức hay chức danh nghề nghiệp viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý bảo đảm đúng vởi quy định của pháp luật về công chức, viên chức. | | *Giải trình***:** kiểm dịch viên y tế hiện chưa có ngạch, chức danh nghê nghiệp riêng vẫn là viên chức ngành y tế theo quy định. |
| ***7*** | ***Điều 4. Giám sát người*** | | |
|  | ***Ủy ban Dân tộc*:** Về tiêu đề của dự thảo Điều 4 “Giám sát người”; Điều 5 “Kiểm dịch y tế đối với người”; Điều 6 “Xử lý y tế đối với người”, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, cân nhăc bỏ từ “người” (Điều 4); bỏ cụm từ “đối với người” (Điều 5 và Điều 6) vì đã quy định “Kiểm dịch y tế đối với người” tại tiêu đề của dự thảo chương II và “Quy trình kiểm dịch y tế đối với người” tại tiêu đề của dự thảo mục 1. | | *Bảo lưu, giải trình*: vì quy định như vậy để tránh nhầm lẫn với nội dung liên quan đến kiểm dịch y tế đối với hàng hóa, phương tiện |
|  | ***Bộ Quốc phòng:***  Điều 4, Điều 13, việc giám sát và kiểm tra đối với người, phương tiện về kiểm dịch y tế biên giới phải quy định rõ từng trường hợp cụ thể; quan sát, kiểm tra thông thường hay khi có dịch bệnh để thống nhất với quy định tại Điều 14 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền; tránh việc kiểm tra tràn lan ảnh hưởng đến việc lưu thông tại cửa khẩu biên giới. | | *Giải trình*:  - Hoạt động giám sát được thực hiện tại các cửa khẩu chủ yếu được thực hiện bằng trang thiết bị, ít can thiệp hoặc ảnh hưởng tới người, phương tiện qua biên giới; chỉ ít những đối tượng nghi ngờ, mắc bệnh hoặc có dấu hiệu bất thường sức khỏe thì mới kiểm tra thực tế. Do vậy, việc giám sát, kiểm tra ít làm ảnh hưởng tới việc lưu thông tại cửa khẩu biên giới.  - Công tác kiểm dịch y tế biên giới nhằm phòng chống dịch bệnh nên cần thực hiện sớm, chủ động nếu để khi có dịch mới triển khai thì khó đảm bảo công tác chuyên môn, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Ngoài ra, việc triển khai kiểm dịch y tế được thực hiện tại cả đường biển, hàng không chứ không chỉ thực hiện tại cửa khẩu đường bộ. |
| ***8*** | ***Điều 5: Kiểm tra y tế đối với người*** | | |
|  | ***Bộ Khoa học và Công nghệ***: đề nghị bổ sung việc cấp giấy chứng nhận kiểm tra y tế hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch sau khi kết thúc quá trình kiểm tra y tế đối với người. | | *Giải trình*: việc bổ sung cấp giấy chứng nhận kiểm tra y tế hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch sau khi kết thúc quá trình kiểm tra y tế đối với người là không cần thiết, gây khó khăn cho người xuất, nhập cảnh, quá cảnh. Bởi sau khi kiểm tra nếu phát hiện các trường hợp phải xử lý y tế thì thường được đưa vào khu vực cách ly hoặc chuyển đến cơ sở điều trị. Nếu trong trường hợp không thuộc đối tượng nghi ngờ cơ quan kiểm dịch y tế đã thực hiện việc đóng dấu vào tờ khai hoặc thông báo cho cơ quan xuất, nhập cảnh để làm thủ tục xuất nhập cảnh cho hành khách |
|  | ***Bộ Tư pháp:*** về xử lý y tế đối với người (khoản 2 Điều 5): khoản 3 Điều 36 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm quy định “Xử lý y tế được thực hiện khi đã tiến hành kiểm tra y tế và phát hiện đối tưọng phải kiểm dịch y tế có dấu hiệu mang mầm bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A”. Tuy nhiên, dự thảo quy định trường họp xử lý y tế rộng hơn so với Luật. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát để chỉnh lý để bảo đảm thống nhất với Luật. | | *Tiếp thu, sửa đổi*: đã giới hạn việc xử lý y tế chỉ đối với người |
| **9** | ***Điều 6: Xử lý y tế đối với người*** | |  |
|  | ***Bộ Khoa học và Công nghệ***:  - Đề nghị bổ sung việc cấp giấy chứng nhận xử lý y tế hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch sau khi hoàn thành việc xử lý y tế đối với người.  - Đề nghị thống nhất cụm từ “kiểm dịch y tế” hay “kiểm tra y tế” trong toàn bộ dự thảo. | | *Giải trình:*  - Việc cấp giấy này là không cần thiết trong thực tế,  - Kiểm dịch y tế và kiểm tra y tế là hai nội dung hoàn toàn khác nhau. |
| ***10*** | ***Điều 7. Điều kiện công bố thời điểm bắt đầu, hạn chế, chấm dứt áp dụng việc khai báo y tế*** | | |
|  | ***Bộ Ngoại giao:*** theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, các đối tượng phải kiểm dịch y tế biên giới phải được khai báo y tế. Tức là người, phương tiện vận tải, hàng hóa ... nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh Việt Nam đều phải khai báo y tế trong trường hợp bình thường (ngay cả khi không có công bố dịch bệnh truyền nhiễm hoặc yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe). Vì vậy, đề nghị xem xét làm rõ mục đích và nội dung quy định tại Điều 7 dự thảo Nghị định về điều kiện công bố thời điểm bắt đầu áp dụng việc khai báo, áp dụng hạn chế khai báo y tế và chấm dứt áp dụng việc khai báo y tế. | | *Bảo lưu, giải trình:* nội dung này Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết do đó việc quy định tại Nghị định này là phù hợp. Mặt khác việc yêu cầu khai báo y tế trong mọi tình huống sẽ gây lãng phí không cần cần thiết, đồng thời gây phiền hà cho các đối tượng phải khai báo y tế trong trường hợp không cần thiết. |
|  | ***Bộ Tài chính:*** đề nghị quy định rõ (hoặc dẫn chiếu quy định) cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định công bố dịch bệnh truyền nhiễm hoặc công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm. | | *Giải trình:* nội dung này đã được quy định tại Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng chỉnh phủ ngày ngày 28 tháng 01 năm 2016 quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm. |
| ***11*** | ***Chương III, IV, V*** | | |
|  | ***Bộ Thông tin Truyền thông*:** tại các chương 3, 4, 5 đều có các điều quy định về hoạt động thu thập thông tin, xử lý lý thông tin, giám sát, kiểm tra... đề nghị quy định rõ tên các đối tượng kiểm dịch trong tên điều để thuận tiện cho việc tra cứu, sử dụng, ví dụ: Điều 3. Thu thập thông tin và xử lý thông tin kiểm dịch y tế với người Điều 11. Thu thập thông tin và xử lý thông tin kiếm dịch y tế với phương tiên vận tải. | | Tiếp thu sửa đổi |
| **12** | ***Điều 9: Nội dung, hình thức và ngôn ngữ trong khai báo y tế*** | | |
|  | ***Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch*:** Khoản 3 Điều 9 Dự thảo đề nghị cân nhắc thay cụm từ “ngôn ngữ trong tờ khai y tế” bằng cụm từ “ngôn ngữ trong khai báo y tế” vì nếu sử dụng cụm từ “tờ khai y tế” chưa bao quát được việc khai báo dưới hình thức điện tử mà chỉ có thể hiểu tờ khai theo mẫu số 11 tại Phụ lục I. Đề nghị khoản này viết liền luôn không sử dụng dấu “:” và xuống dòng như trong Dự thảo. Cụ thế viết như sau: “3. Ngôn ngữ trong khai báo y tế được sử dụng dưới dạng song ngữ”. | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
| ***13*** | ***Điều 10. Thực hiện khai báo y tế*** | | |
|  | ***Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch*:** Điều 10 dự thảo cân nhắc nghiên cứu có sử dụng tờ khai điện tử và gửi theo con đường điện tử? | | *Tiếp thu, giải trình*: dự thảo Nghị định đang có quy định hình thức tờ khai bằng phương thức điện tử. Trong thời gian tới, thực hiện chủ trương của Chỉnh phủ Bộ Y tế sẽ từng bước thực hiện việc điện tử hóa tại cổng thông tin một cửa quốc gia và một cửa ASEAN. |
|  | ***Bộ Công an:*** đề nghị bỏ Khoản 3, Điều 10 vì:  + Theo Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, không quy định người nước ngoài khi nhập cảnh phải xuất trình tờ khai y tế như dự thảo của Nghị định mới được nhập cảnh.  + Theo chức năng, nhiệm vụ của Cục An ninh cửa khẩu, Tổng cục An ninh, Bộ Công an không quy định kiểm tra các loại giấy tờ trên. Việc Công an cửa khẩu kiểm tra thêm giấy tờ sẽ thêm thủ tục, gây ùn tắc, dễ phát sinh phức tạp tại cửa khẩu sân bay quốc tế. | | *Bảo lưu, giải trình*:  - Theo Điều 36, Luật phòng Phòng chống bệnh truyền nhiễm đã quy định các đối tượng phải kiểm dịch y tế phải khai báo y tế và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.  - Việc áp dụng khai báo y tế chỉ thực hiện trong khoảng thời gian ngắn khi có thông báo của Bộ Y tế, căn cứ theo các điều kiện công bố thời điểm bắt đầu, hạn chế, áp dụng việc khai báo y tế nhằm chủ động ngăn ngừa xâm nhập tác nhân gây bệnh truyền nhiễm vào Việt Nam. |
|  | - Tại Điểm c, Khoản 1, Điều 12 đề nghị sửa thành “Giám sát trung gian truyền bệnh, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và các yếu tố có khả năng gây ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng trong quá trình bốc dỡ, tiếp nhận hàng hóa”. | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
| ***14*** | ***Chương II, IV và Chương V của dự thảo*** | | |
|  | ***Bộ Tư pháp***: về kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải; hàng hóa; thi thể hài cốt, mẫu vi sinh y học, mô, bộ phận cơ thể (Chương II, IV và Chương V của dự thảo)  Như tinh thần đã nêu tại phần trên của Công văn về kiểm dịch y tế đối với người, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát chỉnh lý thêm về kiểm dịch y tế đối với phương tiện; hàng hóa; thi thể hài cốt, mẫu vi sinh y học, mô, bộ phận cơ thể để phân định rõ các nội dung kiểm tra y tế, các trường hợp khai báo y tế; các trường hợp xử lý y tế... để bảo đảm tính minh bạch của quy định và bảo đảm thống nhất với Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm. | *Tiếp thu, sửa đổi* | |
| ***15*** | ***Điều 11. Thu thập thông tin và xử lý thông tin*** | | |
|  | ***Ủy ban Dân tộc:*** Khoản 1 Điều 11 “Các nguồn thông tin cần thu thập”; dự thảo khoản 1 Điều 19 “Các nguồn thông tin”, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, cân nhắc viện dẫn như dự thảo khoản 1 Điều 3 để tránh lặp lại | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
|  | ***Bộ Tư pháp:*** về khai báo y tế đối với tàu thuyền (điểm b khoản 3 Điều 11, Điều 15 của dự thảo):  Điều 89, 90, 92... Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải có quy định về khai báo y tế và mẫu tờ khai đối với phương tiện vận tải nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh Việt Nam qua cửa khẩu cảng biển. Để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc không quy định nội dung đã nêu để thực hiện tinh thần nêu tại khoản 2 Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, cụ thể: “Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”. | | *Bảo lưu, giải trình****:*** Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 đã quy định lại các biểu mẫu theo Nghị định 103/2010/NĐ-CP mà không thực hiện dẫn chiếu. Việc sửa đổi các biểu mẫu liên quan đến Kiểm dịch y tế tại Nghi định 58/2017/NĐ-CP nên theo quy định tại Nghị định hướng dẫn về kiểm dịch y tế biên giới. |
| ***16*** | ***Điều 13: Kiểm tra y tế đối với phương tiện vận tải*** | | |
|  | ***Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch*:** đề nghị làm rõ, minh bạch một số quy định trong dự thảo nghị định, tránh dùng thuật ngữ “yếu tố khác” như các quy định tại Điều 13 Khoản 1 Điểm d; Điều 19 Khoản 4 Điểm a... | | *Tiếp thu, sửa đổi:* bỏ thuật ngữ “yếu tố khác” |
|  | ***Bộ Công thương***: về quy định tại Khoản 1, Điều 13, đề nghị sửa lại: “Kiểm dịch viên y tế yêu cầu chủ phương tiện vận tải đưa phương tiện vận tải vào...” | | *Tiếp thu, sửa đổi: từ “*Kiểm dịch viên y tế yêu cầu phương tiện vận tải vào khu vực cách ly để kiểm tra” thành ”Kiểm dịch viên y tế yêu cầu đưa phương tiện vận tải vào khu vực cách ly để kiểm tra” |
| ***17*** | ***Khoản 1, Điều 14*** | | |
|  | ***Bộ Tài nguyên và Môi trường:*** đề nghị chỉnh sửa Điều 14 Khoản 1 điểm a “Thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường”. | | *Tiếp thu, sửa đổi, giải trình:* kiểm dịch y tế chỉ xử lý các chất thải có khả năng mang, hoặc gây bệnh truyền nhiễm do vậy. Sửa lại từ “Thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc loại bỏ, tiêu hủy chất thải rắn, chất thải của người hoặc động vật, xử lý nước thải.” thành “Thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải có khả năng mang, có nguy cơ gây bệnh truyền nhiễm.” |
| ***18*** | ***Tại Khoản 3, Điều 14:*** | | |
|  | ***Bộ Công an:*** Tại Khoản 3, Điều 14:  + Quy định trước khi hết thời gian xử lý y tế 10 phút đối với phương tiện vận tải để thông báo gia hạn thời gian tiếp tục xử lý là chưa hợp lý. Để đảm bảo tính chủ động của chủ phương tiện và tránh các ảnh hưởng tiêu cực về quá trình vận chuyển (nhất là tàu bay), đề nghị thông báo gia hạn sớm hơn.  + Tại Khoản 3, Điều 14 có nội dung “Việc áp dụng các biện pháp xử lý y tế theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này…”, đề nghị Ban soạn thảo xem lại Khoản 3 Điều 14 không có Điểm a. | | *Tiếp thu, sửa đổi:* sửa đổi tăng thời gian lên 15 phút |
| ***19*** | ***Điều 15. Quy định tín hiệu kiểm dịch y tế biên giới cho tàu thuyền khi nhập cảnh*** | | |
|  | ***Bộ Công thương*:** đề nghị quy định thống nhất tín hiệu kiểm dịch y tế biên giới cho tàu thuyền khi nhập cảnh vì tại điểm b khoản 1 Điều 15 quy định “treo hai cờ loại chữ Q ”, tuy nhiên điểm b khoản 5 mục II mẫu số 15 của Phụ lục II quy định “cờ chữ QQ ”. | | *Tiếp thu sửa đổi* |
| ***20*** | ***Điều 18. Phạm vi kiểm dịch y tế đối với hàng hóa*** | | |
|  | ***Bộ Công thương*:** đề nghị làm rõ phạm vi, đối tượng áp dụng kiểm dịch y tế đối với hàng hóa, đối tượng nào được ngoại trừ kiểm dịch y tế biên giới và được ngoại trừ đối với nội dung kiểm dịch y tế biên giới nào (theo Điều 18 dự thảo Nghị định có ngoại trừ, tuy nhiên quy định chưa cụ thể, rõ ràng). | | *Tiếp thu, sửa đổi, giải trình:* sửa làm rõ thành  “1. Thực hiện kiểm dịch y tế đối với tất cả các hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trừ hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn và động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đối với các hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm dịch y tế khi có yêu cầu của cơ quan kiểm dịch động vật.  2. Kiểm dịch y tế có trách nhiệm thực hiện các hàng hóa khác theo yêu cầu của nước nhập khẩu, chủ hàng.” |
|  | ***Bộ Tài chính:*** Chương II và III không quy định phạm vi kiểm dịch nhưng Chương IV dự thảo lại có quy định phạm vi kiếm dịch y tế đối với hàng hóa tại Điều 18. Do đó, đề nghị xem lại sự thống nhất giữa kết cấu của các chương.  Tại Điều 18 của dự thảo quy định “Kiểm dịch y tế đối với tất cả các hàng hóa xuất khấu, nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuât, tạm xuất tái nhập...”. Tuy nhiên, theo dự thảo Nghị định việc kiểm tra hàng hóa chỉ tiến hành đối với hàng hóa có yếu tố nguy cơ theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 19, Khoản 3 Điều 20. Do vậy, Bộ Tài chính đề nghị sửa Điều 18 như sau:  Thực hiện kiểm dịch y tế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tải nhập thuộc đối tượng kiểm dịch Y tế. Riêng hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật, sản phâm động vật trên cạn và động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triên nông thôn, kiểm dịch y tế có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm dịch y tế khi có yêu cầu; các hàng hóa khác theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc theo quy định của quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập hoặc tùy theo tình hình dịch bệnh ở trong nước và trên thế giới.  Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm dịch y tế bao gồm:  (ỉ) Hàng hóa có yếu tố nguy cơ (như nội dung tại điểm a Khoản 4 Điều 15 của dự thảo Nghị định, cụ thể:  - Hàng hóa vận chuyển qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tể có yêu cầu phải giám sát;  - Hàng hóa xuất phát, đi qua vùng bị ảnh hưởng bởi phóng xạ, hóa chất, sinh học và các yếu tố khác có khả năng gây mất ảnh hưởng tới sức khoe cộng đồng;  - Hàng hóa mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm;  - Hàng hóa vận chuyển bằng phương tiện có yếu tố nguy cơ;  - Hàng hóa đi qua vùng bị ảnh hưởng bởi phóng xạ, hóa chất, sinh học và các yếu tố khác có khả năng gây mất ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng;  - Hàng hóa có thông báo của cơ quan có thẩm quyền về nguy cơ lây lan dịch bệnh.  (ii) Hàng hóa thuộc Danh mục phải kiểm dịch Y tế do Bộ Y tế ban hành.  Trong trường hợp cần thiết phải xây dựng Danh mục này, đề nghị Bộ Y tế công bố Danh mục kèm theo mã số HS phù hợp với Danh mục hàng hóa XNK hiện hành để doanh nghiệp và các cơ quan liên quan có cơ sở triển khai thực hiện.  Chỉ kiến nghị xây dựng và ban hành Danh mục hàng hóa theo nội dung tại điểm (ii) (việc xây dựng Danh mục này mang tính ổn định, không mang tính chất thời kỳ hoặc hàng hóa xuất phát từ vùng có dịch). | | *Giải trình, sửa đổi:* dự thảo đã xác định rõ đối tượng kiểm dịch y tế đối với hàng hóa là tất cả các hàng hóa xuất khấu, nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuât, tạm xuất tái nhập theo đúng quy định của Luật phòng chống bệnh truyền nhiễm. Việc phân loại hàng hóa có nguy cơ để tiến hành các biện pháp kiểm tra, xử lý y tế cho phù hợp với từng đối tượng đã được thực hiện theo hướng quản lý rủi do theo nguy cơ dịch bệnh trong từng bước. |
|  | ***Bộ Ngoại giao****:* đề nghị sửa cụm từ “theo quy định của quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập” thành “theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên”. | | *Tiếp thu sửa đổi* |
| ***21*** | ***Điều 19.*** ***Thu thập thông tin và xử lý thông tin (chương IV)*** | | |
|  | ***Bộ Tài chính:***  ***-*** Dự thảo khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 19: đề nghị dẫn chiếu đến dự thảo khoản 1 Điều 3 vì cùng 1 nội dung giống nhau. | | *Tiếp thu sửa đổi* |
|  | - Dự thảo khoản 3 Điều 19 quy định Chủ hàng phải khai bảo y tế đối với hàng hóa theo mẫu số 4 Phụ lục 1 Nghị định này khi nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh, ...” là quá rộng, ảnh hưởng đến thời gian thông quan đối với hàng hóa trong khi không có quy định về việc phân luồng hàng hóa để xác định sự cần thiết của việc thực hiện khai báo. | | *Giải trình:* đối tượng kiểm dịch y tế đối với hàng hóa là tất cả các hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh theo đúng quy định của Luật phòng chống bệnh truyền nhiễm. |
| ***22*** | ***Điều 20.*** ***Giám sát hàng hóa*** | | |
|  | ***Bộ Tài chính:***  ***-*** Dự thảo Điểm a Khoản 1 Điều 20 “Kiểm tra giấy khai báo y tế đối với hàng hóa...” không phải là biện pháp giám sát mà là hoạt động kiểm tra ở Điều 21. Do đó, đề nghị bỏ nội dung Điểm a Khoản 1 Điều 20 này. | | *Tiếp thu, sửa đổi :* đã sửa đổi chuyển sang nội dung kiểm tra giấy tờ |
|  | - Dự thảo khoản 4 Điều 20 quy định “Trường hợp hàng hóa không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, kiểm dịch viên y tế cấp giấy chứng nhận đã kiểm tra và kết thúc quy trình kiểm dịch”.  Trong trường hợp này, dự thảo Nghị định chỉ quy định việc giám sát hàng hóa mà không thực hiện việc kiểm tra (trừ trường hợp phát hiện hàng hóa có yếu tổ nguy cơ). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của dự thảo lại quy định việc kiểm dịch viên cấp Giấy chứng nhận đã kiếm tra thì có phù hợp hay không?  Đề nghị Quý Bộ rà soát lại nội dung quy định này để đảm bảo tính thống nhất chặt chẽ trong quá trình thực hiện | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
| ***23*** | ***Điều 23. Thu thập thông tin và xử lý thông tin*** | | |
|  | ***Bộ Ngoại giao:*** (i) đề nghị cân nhắc điều chỉnh tiêu đề của điều khoản này cho phù hợp hơn với nội dung (bao gồm cả các nội dung về nguyên tắc, quy trình kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt); (ii) khoản 2 đề nghị làm rõ khái niệm “thu thập”. | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
| ***24*** | ***Điều 24. Kiểm tra y tế đối với thi thể, hài cốt*** | | |
|  | ***Bộ Ngoại giao:*** về khoản l.c Điều 24, đề nghị cân nhắc bổ sung từ “Kiểm tra” trước “Giấy phép nhập cảnh”. | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
| *25* | ***Điều 25. Xử lý y tế đối với thi thể, hài cốt*** | | |
|  | ***Bộ Ngoại giao:*** về Điều 25 Khoản 1 Điểm a, đề nghị cân nhắc kế thừa Nghị định số 103/2010/NĐ-CP, giao trách nhiệm cho Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới áp dụng biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về vệ sinh mai táng trong trường hợp thi thể, hài cốt, tro cốt chưa đáp ứng tiêu chuẩn. Việc yêu cầu người vận chuyển thi thể, hài cốt thực hiện trách nhiệm trên là khó khả thi vì thiếu thẩm quyền, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết. | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
| ***26*** | ***Điều 31. Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới*** | | |
|  | ***Bộ Nội vụ***: Theo quy định tại Điểm e Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế, hoạt động kiếm dịch y tế biên giới tại các cửa khẩu là một trong những nội dung thuộc lĩnh vực y tế dự phòng. Điểm a Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Uy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đã quy định thực hiện mô hình Trung tâm Kiểm soát bệnh tật ở tuyến tỉnh trên cơ sở sáp nhập các Trung tâm có cùng chức năng”. Ngày 26/6/2017, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 26/2017/TT-BYT hướng dẫn chức năng nhiệm vụ, qùyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Trung tâm), trong đó có giao Trung tâm thực hiện nhiệm vụ kiểm dịch Y tế biên giới.  Do vậy, để thực hiện thống nhất mô hình Trung tâm Kiểm soát bệnh tật ở tuyến tỉnh, phù họp với Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập y tế (Bộ Y tế đang chủ trì xây dựng), đề nghị Bộ Y tế không quy định cụ thế tổ chức kiểm dịch y tế biên giới, theo đó cần chỉnh sửa Điều 31 dự thảo Nghị định theo hướng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tố chức của tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm dịch y tế biên giới; bảo đảm tinh gọn bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chê và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 39-NQ/TW), Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế. | | *Giải trình*: hiện Điều 31 trong dự thảo Nghị định chỉ quy định về mặt nguyên tắc, không quy định cụ thể đáp ứng theo góp ý của quý Bộ, cụ thể:  - Dự thảo có Khoản 1 quy định “Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cửa khẩu quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế”, Khoản 3 “Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm dịch y tế biên giới…”. |
| *27* | ***Mục 3. PHÒNG, CHỐNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM TRONG KHU VỰC CỬA KHẨU*** | | |
|  | ***Bộ Công an:*** Tại Mục 3, Chương V “Phòng, chống bệnh truyền nhiễm trong khu vực cửa khẩu”. Do mục này bao gồm cả các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm tại khu vực cửa khẩu nên đề nghị sửa lại tên của Mục 3 thành “Phòng, chống bệnh truyền nhiễm và công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong khu vực cửa khẩu”. | | *Bảo lưu, giải trình:* việc đảm bảo an toàn thực phẩmđược thực hiện tại các văn bản khác, Kiểm dịch y tế trong Nghị định này xây dựng theo hướng không có chức năng này. |
|  | ***Bộ Tư pháp:*** Khoản 4 Điều 36 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm quy định: giám sát bệnh truyền nhiễm được thực hiện tại khu vực cửa khẩu theo quy định tại Mục 3 Chương II của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm. Tại Mục 3 Chương II của Luật đã quy định rất rõ về hoạt động giám sát bệnh truyền nhiễm (Điều 20); nội dung giám sát bệnh truyền nhiễm (Điều 21); báo cáo giám sát bệnh truyền nhiễm (Điều 22); trách nhiệm giám sát bệnh truyền nhiễm (Điều 23). Để bảo đảm thực hiện khoản 1 Điều 11 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 “văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao và không được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết”, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc thêm việc quy định nội dung đã nêu. | | *Giải trình***:** hoạt động giám sát tại Nghị định này chỉ khu trú trong một số hoạt động liên quan đến kiểm dịch y tế biên giới được nêu cụ thể tại Nghị định. |
| ***28*** | ***Điều 31. Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới*** | | |
|  | ***Bộ Công Thương*:** Khoản 3 Điều 31đề nghị bổ sung quy định khi Bộ Y tế hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới cần phối hợp và tham khảo ý kiến của Bộ Nội vụ. | | *Tiếp thu* |
|  | ***Bộ Tư pháp:*** đề nghị cơ quan soạn thảo không quy định nội dung về tổ chức kiểm dịch y tế biên giới tại dự thảo Nghị định này để bảo đảm thực hiện thống nhất với Điều 13, 31 Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ. | | *Giải trình*: trong Nghị định này không quy định về tổ chức bộ máy, biên chế của tổ chức kiểm dịch y tế biên giới mà chỉ quy định chung về cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu. |
| ***29*** | ***Điều 32. Con dấu, biểu tượng, phù hiệu, biển hiệu, thẻ và trang phục kiểm dịch viên y tế*** | | |
|  | ***Bộ Nội vụ:*** đề nghị chỉnh sửa Điều 32 quy định về con dấu kiếm dịch y tế đảm bảo phù hợp với Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu. | | *Giải trình*:Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của chính phủ không quy định việc quản lý và sử dụng con dấu tiếng Anh. Do vậy, cần thiết phải giữ lại Điều 32. Bộ Y tế đã xin ý kiến thống nhất với Bộ Công an về nội dung này. |
|  | ***Điều 34.* Giá dịch vụ kiểm dịch y tế** | | |
|  | ***Bộ Công an:***  tại Chương VI “Điều kiện đảm bảo cho hoạt động kiểm dịch y tế biên giới”, đề nghị Bộ Y tế nghiên cứu, bổ sung quy định về chế độ, chính sách có tính đặc thù đối với nhân viên làm công tác kiểm dịch y tế biên giới; phối hợp Bộ Tài chính ban hành bảng giá dịch vụ kiểm dịch y tế. | | *Bảo lưu, giải trình*:Bộ Y tế đã phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập trong đó có giá dịch vụ kiểm dịch y tế. Bộ Y tế cũng đang phối hợp với các bên liên quan để chuyển đối phí kiểm dịch y tế sang giá dịch vụ kiểm dịch y tế trong thời gian tới. |
| ***30*** | ***Điều 36. Trách nhiệm của cơ quan chuyên ngành tại cửa khẩu*** | | |
|  | ***Bộ Quốc phòng:***  bỏ Khoản 3 Điều 36, vì nội dung Khoản này đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác và không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. | | *Bảo lưu, giải trình*:  - Để thực hiện tốt công tác kiểm dịch y tế cần phải có sự phối hợp liên ngành của nhiều cơ quan nhà nước tại cửa khẩu.  - Trong dự thảo tại Điều 36 quy định trách nhiệm của cơ quan chuyên ngành tại cửa khẩu riêng trong triển khai hoạt động kiểm dịch y tế tại địa phương, chứ không quy định trách nhiệm chung. Do vậy, nên để nội dung này. |
| ***31*** | ***Phần nơi nhận*** | | |
|  | ***Bộ Nội vụ:*** đề nghị bỏ nơi nhận là “Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng” tại phần “Nơi nhận” của dự thảo Nghị định, vì hiện nay cơ quan này đã được chuyển giao về Ban Nội chính Trung ương theo Quyết định số 158-QD/TW ngày 28/12/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. | | Tiếp thu, sửa đổi: đã sửa từ “VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng” thành “Ban Nội chính Trung ương” |
| ***32*** | ***Điều 39. Hiệu lực thi hành*** | | |
|  | ***Bộ Thông tin Truyền thông*:** đề nghị rà soát, bổ sung thêm các văn bản được tuyên hết hiệu lực hoặc hết hiệu lực một phần khi Nghị định này có hiệu lực thi hành. | *Tiếp thu, sửa đổi* | |
|  | ***Bộ Ngoại giao:***  - Theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 dự thảo Nghị định, Nghị định này được ban hành để thay thế Nghị định số 103/2010/NĐ-CP (thay vì để sửa đổi Nghị định này). Do đó, đề nghị Quý Bộ chỉnh sửa lại nội dung Tờ trình cho phù hợp. | *Tiếp thu sửa đổi* | |
|  | - Theo dự thảo, các nội dung tại một số Thông tư hướng dẫn trước đây sẽ được lồng ghép quy định trực tiếp tại dự thảo Nghị định (Nội dung 1.3.1 dự thảo Tờ trình), ví dụ: Thông tư số 46/2014/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quy trình kiểm dịch y tế và Thông tư số 32/2012/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về khai báo y tế đối với người nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu Việt Nam. Vì vậy, đề nghị Quý Bộ rà soát lại danh mục các văn bản quy phạm pháp luật sẽ hết hiệu lực khi Nghị định mới có hiệu lực và trình bày thành một phụ lục riêng để các cơ quan chức năng, tổ chức và cá nhân có thể tra cứu, tham khảo khi cần thiết. | *Tiếp thu sửa đổi* | |
|  | - Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá tính tương thích của dự thảo Nghị định đối với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, trong đó nêu: các cam kết quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong lĩnh vực có liên quan đến nội dung chính sách và tính tương thích của nội dung chính sách với các cam kết quốc tế, điều ước quốc tế đó. |  | |
|  | Qua rà soát sơ bộ, Bộ Ngoại giao nhận thấy dự thảo Nghị định có một số nội dung chưa phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. Ví dụ: theo quy định tại Điều 7 Hiệp định giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa về kịểm dịch y tế biên giới ký ngày 22/10/2008, trường hợp cư dân địa phương dọc biên giới thì chỉ cần khai báo y tế khi có dịch bệnh quy định tại Hiệp định này xảy ra ở các địa phương dọc biên giới hai nước. Trong khi đó, quy định tại Mục 2 Chương II dự thảo Nghị định về khai báo y tế đối với người không loại trừ các trường hợp này. Điều 10 Hiệp định nêu trên cũng quy định trường hợp kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt cần xuất trìnhGiấy chứng tử trong khi Điều 23: dự thảo Nghị định không quy định loại giấy tờ này. Điều 12 Hiệp định giữa Chính phủ nước CHXTICN Việt Nam vả Chính phủ Hoàng gia Vương quốc Campụchia về kiểm dịch y tế biên giới ký ngày 06/3/2006 quy định trong cùng một hànlh trình khi có Giấy chứng nhận kiểm dịch y tế của một Bên thì phía Bên kia không phải kiểm dịch nữa. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định lại chưa tính đến trường hợp này. | *Giải trình:* theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật Điều ước quốc tế năm 2016 thì “Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp.”Do đó, trường hợp nội dung quy định tại Nghị định này và các Điều ước quốc tế có liên quan đến Kiểm dịch y tế biên giới mà Việt Nam đã tham gia có quy định khác nhau thì sẽ áp dụng theo các điều ước quốc tế đó. | |
| ***33*** | ***Các Phụ lục*** | | |
|  | ***Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch:*** đề nghị rà soát một số lỗi về kỹ thuật soạn thảo, tránh sử dụng gạch đầu dòng trong nội dung Dự thảo, thể thức dự thảo Nghị định theo mẫu quy định, bổ sung Phụ lục III còn thiếu. | | *Tiếp thu, sửa đổi*: đã tách một số Điều, khoản để tránh sử dụng việc gạch đầu dòng; sửa lỗi chính tả việc dẫn chiếu phụ lục III thành Phụ lục I |
|  | ***Bộ Ngoại giao:*** đối với nội dung tiếng Anh của các mẫu giấy sử dụng trong hệ thống kiểm dịch, đề nghị rà soát và tham khảo các mẫu đã được ban hành (ví dụ: Thông tư 04/2015/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam) để rà soát, điều chỉnh với các trường thông tin phổ biến (như địa chỉ thường trú, quốc tịch, số hộ chiếu ...). | | *Tiếp thu, giải trình*: đã rà soát nội dung tiếng Anh tại các mẫu giấy. |
|  | ***Bộ Quốc phòng:*** cân nhắc về các loại mẫu biểu ban hành kèm theo Nghị định để phù hợp với chủ trương của Đảng, Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, công dân trong hoạt động kinh doanh, xuất nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới. | | *Tiếp thu, giải trình:* dự thảo Nghị định thay thế không làm tăng thếm thủ tục hành chính hiện có trong hoạt động kiểm dịch y tế |
|  | ***Bộ Công an:***  Về Mẫu 11 “Tờ khai y tế” (Phụ lục 1): Tại nội dung khai báo “Trong vòng 14 ngày qua, anh/chị có đến vùng quốc gia/vùng lãnh thổ nào không?”, đề nghị cách dòng để người khai có đủ chỗ ghi chú.  - Sửa một số nội dung thuộc Khoản 6, Mục II, Phụ lục II như sau:  + Tại Điểm b, Khoản 6, Mục II, Phụ lục II đề nghị sửa:  Tại khuôn hình chữ nhật ở giữa ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hoạt động kiểm dịch y tế đối với con dấu sử dụng tại trụ sở chính của tổ chức kiểm dịch y tế; nghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hoạt động kiểm dịch y tế và mã cửa khẩu đối với con dấu sử dụng tại cửa khẩu có hoạt động kiểm dịch y tế, giữa tên tỉnh và mã cửa khẩu là dấu “chấm” (.).  + Tại Điểm c, Khoản 6, Mục II, Phụ lục II đề nghị sửa:  Mã số được gán cho cửa khẩu được ghi theo số thứ tự 01, 02,… (bắt đầu từ 01) ví dụ con dấu sử dụng tại cửa khẩu của tỉnh A được ghi trong khuôn hình chữ nhật là  TỈNH A.01  + Tại Điểm d, Khoản 6, Mục II, Phụ lục II đề nghị sửa:  Mã số được gán cho cửa khẩu do người đứng đầu tổ chức kiểm dịch y tế địa phương quy định và quy định trong quy chế sử dụng con dấu được lưu tại tổ chức kiểm dịch y tế.  - Đối với mẫu con dấu kiểm dịch y tế và mẫu sổ lưu mẫu con dấu, ý kiến tham gia tại văn bản gửi kèm theo:  Mẫu con dấu sử dụng tại trụ sở chính của Tổ chức kiểm dịch y tế  Mẫu số 1  Mẫu con dấu sử dụng tại cửa khẩu có hoạt động kiểm dịch y tế  Mẫu số 2  và góp ý về Sổ lưu mẫu (xem file đính kèm), có thêm phần ghi chú.  Ghi chú: con dấu trước khi sử dụng đóng 01 mẫu vào ô “Mẫu lưu ” ghi rõ ngày, tháng, năm. Con dấu bị hỏng, làm lại con dấu, phải đóng 01 mẫu dấu vào ô “Mẫu hủy ” ghi rõ ngày, tháng, năm. Con dấu bị mất phải có thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan biết... (Cần thông báo cho cơ quan, tổ chức nào và thực hiện như hướng dẫn ở trên) | | *Tiếp thu, sửa đổi* |
|  | - Đề nghị sửa lại Chương VII theo hướng quy định chi tiết và cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, bộ, ngành trong việc quản lý nhà nước đối với kiểm dịch y tế biên giới (Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính…). Trong đó, Bộ Y tế là đơn vị chủ trì có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn đảm bảo trang thiết bị cho cơ quan kiểm dịch y tế thực hiện chức năng kiểm dịch y tế tại cửa khẩu biên giới theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; Phối hợp với các Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm soát, phòng ngừa, kiểm dịch y tế theo quy định… | | *Giải trình:* Các lực lượng tại cửa khẩu đã có quy định riêng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Nghị định này chỉ quy định chung để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp để thực hiện tốt hoạt động kiểm dịch y tế |
|  | ***Bộ Ngoại giao:*** - Về Phần 1.3.3 (Quản lý con dấu tiếng Anh), đề nghị làm rõ hơn sự cần thiết phải có quy định về mẫu dấu tiếng Anh, căn cứ đề xuất (các địa phương đang sử dụng 01 con dấu duy nhất nhưng 01 địa phương có thể có nhiều cửa khẩu, các cửa khẩu ở xa nhau) và nội dung đề xuất (bổ sung quy định về con dấu tiếng Anh). Theo khoản 4, Điều 5 Nghị định 99/2016/NĐ-CP, trong trường họp cần thiết phải sử dụng thêm con dấu như con dấu đã cấp: (i) nếu sử dụng thêm dấu ướt thì phải được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền; (ii)'nếu sử dụng thêm dấu nổi, dấu thu nhỏ, dấu xi thì cơ quan tự quyết định. | | *Tiếp thu, giải trình*: Hiện Nghị định 99/2016/NĐ-CP không quy định việc quản lý và sử dụng con dấu tiếng Anh. Dấu tiếng Anh được sử dụng cho Kiểm dịch y tế đã được Chính phủ quy định, sử dụng từ nhiều năm trước để chứng nhận kết quả kiểm dịch y tế, có hiệu lực quốc tế; Về nội dung sử dụng con dấu Bộ Y tế nêu cụ thể trong dự thảo Nghị định trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bộ Công an và các Bộ, ngành liên quan |